

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HS-PT

Ngày 19 - 4 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Trường và bà Vũ Thị Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 05/2021/TLPT-HS ngày 29 tháng 01 năm 2021, đối với bị cáo Nguyễn Thị M. Do có kháng cáo của bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 152/2020/HS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị: **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1985 tại Hà Nam; nơi ĐKNKTT: Số nhà 80, tổ 5, phường Q, thành phố P, tỉnh Hà Nam; chỗ ở: Số nhà 9, ngách 64/323 đường G, tổ 17, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị M; có chồng Vũ Xuân B (đã ly hôn) và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không. Hiện đang tại ngoại, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không kháng cáo, không bị kháng cáo kháng nghị: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam; Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H, chức vụ: Giám đốc; Địa chỉ: Phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam, vắng mặt.

- Người làm chứng: Anh Phạm Văn N và chị Trịnh Thị H, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7 năm 2019, do cần tiền để làm ăn nên Nguyễn Thị M nảy sinh ý định làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất giả để cầm cố, thế chấp vay tiền. M kết bạn, làm quen với một người có nickname là “Hồng Anh” và nhắn tin qua Zalo nhờ làm 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất giả, người này nhắn tin đồng ý với giá 10.000.000 đồng và yêu cầu M chụp ảnh 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất bản gốc, kèm theo Căn cước công dân của M gửi vào Zalo tên “Hồng Anh” để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. Sau đó, M dùng nick Zalo “Vu Gia B” của mình gửi ảnh chụp Căn cước công dân và ảnh chụp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất của thửa đất tên ông Nguyễn Văn S (bố đẻ của M) thuộc tổ 6, phường Q, thành phố P, tỉnh Hà Nam vào Zalo có nickname “Hồng Anh”. Khi nhận được ảnh, “Hồng Anh” yêu cầu M đặt cọc trước 1.000.000 đồng và gửi tiền vào số tài khoản do “Hồng Anh” cung cấp. M đồng ý và gửi tiền vào tài khoản. Khoảng hai tuần sau thì “Hồng Anh” tiếp tục gọi Zalo cho M yêu cầu chuyển nốt số tiền còn lại và sẽ chuyển Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả về cho M, đồng thời chụp ảnh Giấy chứng nhận giả mang tên Nguyễn Thị M gửi vào nick Zalo của M. M đồng ý chuyển nốt số tiền 9.000.000 đồng vào số tài khoản do “Hồng Anh” cung cấp. Đến khoảng 17 giờ ngày hôm sau, M nhận được bưu phẩm do nhân viên Bưu điện chuyển đến, bên trong có 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số: CE 518369 mang tên Nguyễn Thị M.

Đến ngày 11/12/2019, do cần tiền để mua hàng bán vào dịp tết nên M gọi điện cho anh Phạm Văn N hỏi vay 100.000.000 đồng và cầm cố Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. Anh N bảo M cứ đưa sổ để anh hỏi phòng một cửa nếu được thì anh cho mượn tiền. M đồng ý. Anh N chụp ảnh Giấy chứng nhận và gửi tin nhắn cho chị Ngô Thúy A (Là nhân viên Văn phòng Công chứng Lê H) nhờ xem hộ Giấy chứng nhận, chị A nghi ngờ Giấy chứng nhận giả nên bảo anh N đến Văn phòng đăng ký đất đai thành phố P kiểm tra lại. Đến sáng ngày 13/12/2019, anh N hẹn M ra Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố P để xác minh lại nguồn gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại Văn phòng đăng ký đất đai thành phố P, chị Trịnh Thị H (Là cán bộ Chi nhánh Văn phòng) phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số: CE 518369 mang tên Nguyễn Thị M là giả nên đã lập biên bản tạm giữ. Sau đó, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố P có Công văn đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xử lý giải quyết theo quy định pháp luật.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số: CE 518369 mang tên Nguyễn Thị M, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 80, tổ 6, phường Q, thành phố P, tỉnh Hà Nam (Ký hiệu A1). Ngày 11/5/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phủ Lý tiến hành xác minh tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố

P, xác định: Thửa đất số 265, tờ bản đồ số 07 tại số nhà 80, tổ 6, phường Q, thành phố P, tỉnh Hà Nam không có trong cơ sở đất đai của thành phố Phủ Lý.

Tại Bản kết luận giám định số 13/PC09-TL, ngày 18/6/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Nam kết luận: Chữ ký mang danh “KT. Giám đốc; Phó Giám đốc - Nguyễn Văn H” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký của ông Nguyễn Văn H trên tài liệu mẫu ký hiệu M không phải do cùng một người ký ra. Hình dấu trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với hình dấu trên tài liệu mẫu ký hiệu M không phải do cùng một con dấu đóng ra và Bản kết luận giám định số 20/PC09-TL, ngày 09/7/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Nam kết luận: Mẫu in Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất gửi giám định ký hiệu A1 là mẫu in giả.

Ngày 10/11/2020, Tổng Công ty Bưu chính viễn thông Viettel có Công văn số 3529 trả lời: Viettel Post đã tiến hành kiểm tra rà soát giao dịch của Nguyễn Thị M trên hệ thống nhưng không có thông tin, dữ liệu.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 152/2020/HS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam đã căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự. Các Điều 136; 331; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị M phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 28 tháng 12 năm 2020, bị cáo Nguyễn Thị M kháng cáo bản án và xin giảm nhẹ hình phạt. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam kháng nghị với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại do có dấu hiệu bỏ lọt tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đối với bị cáo Nguyễn Thị M. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam thay đổi nội dung kháng nghị theo hướng sửa bản án sơ thẩm; tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị M phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”; đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam và kháng cáo của bị cáo; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 24 tháng về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Lời nói sau cùng của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo để được nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nội dung và thời hạn kháng cáo, kháng nghị của người kháng cáo, kháng nghị đều trong thời hạn luật định; nội dung được thể hiện đầy đủ theo đúng quy định tại các Điều 332, 333, 336 và Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị M khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận do cần tiền để làm ăn và không vay được tiền của người khác nên M nảy sinh ý định làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với mục đích cầm cố, thế chấp vay tiền. M kết bạn, làm quen với một người có nickname “Hồng Anh” và nhắn tin qua Zalo thuê làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với giá 10.000.000 đồng; đồng thời gửi ảnh chụp Căn cước công dân của M và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất của thửa đất đứng tên ông Nguyễn Văn S (Bố đẻ M) cho “Hồng Anh” qua Zalo. Sau đó, Nguyễn Thị M đã nhận được một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số: CE 518369 mang tên Nguyễn Thị M, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 80, tổ 6, phường Q, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Đến ngày 11/12/2019, M hỏi anh Phạm Văn N vay 100.000.000 đồng và cầm cố Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất giả. Do anh N chưa tin tưởng nên đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam để kiểm tra thì bị cơ quan có thẩm quyền phát hiện. Hành vi thuê người làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất của Nguyễn Thị M đã đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam, Hội đồng xét xử thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị M phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là chưa đúng với hành vi mà bị cáo gây ra. Bản thân bị cáo đã thuê một người không quen biết trên mạng xã hội để làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất; đồng thời, cung cấp các thông tin thật của bị cáo cho người làm thuê điền vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất giả để bị cáo có thể thực hiện hành vi vay tiền là trái pháp luật. Như vậy, hành vi của bị cáo đã phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”; việc bị cáo sử dụng tài liệu giả đi vay tiền nhưng chưa làm cho anh N tin tưởng để cho bị cáo vay tiền chỉ là hậu quả của tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” vì hành vi trái pháp luật chưa xảy ra. Do vậy, tại phiên tòa

đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam đã thay đổi kháng nghị theo hướng: Bị cáo Nguyễn Thị M phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo đó là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ; tại cấp phúc thẩm, bị cáo xuất trình tài liệu chứng minh là lao động duy nhất, bản thân đang nuôi con nhỏ (8 tuổi), đã ly hôn chồng; hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương; đây là những tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cần được xem xét cho bị cáo. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có nơi cư trú rõ ràng, quá trình tại ngoại luôn chấp hành tốt nghĩa vụ công dân, có khả năng tự cải tạo, không gây nguy hiểm cho xã hội. Vì vậy, không nhất thiết phải cách ly ra khỏi xã hội mà chỉ cần giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và thực hiện nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội mà vẫn đáp ứng được yêu cầu phòng chống tội phạm, phù hợp với quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Cho nên, kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo được cấp phúc thẩm chấp nhận nên bị cáo và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam đều không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam và kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị M; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 152/2020/HS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị M 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (19/4/2021); về tội: “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Giao bị cáo Nguyễn Thị M cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị M và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam đều không phải chịu.

3. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND; Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Hà Nam;
- Phòng KTNV&THA Tòa án tỉnh Hà Nam;
- TAND; VKSND thành phố Phủ Lý;
- Cơ quan CSĐT Công an thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- UBND xã phường Q, thành phố P;
- UBND phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định;
- Bị cáo; Bộ phận HCTP;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)
Nguyễn Đức Thủy